

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020*  
*đã được kiểm toán*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Lãnh đạo</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 41</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 41

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Alphanam E&C tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

- Bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Bán buôn tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có Văn phòng đại diện như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh (đã dừng hoạt động từ ngày 29 tháng 12 năm 2020)	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Quân	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 22/6/2020
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/6/2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Lãnh đạo** (tiếp theo)

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/11/2020
Bà Lê Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/3/2021
Bà Nguyễn Tuấn Trang	Kế toán trưởng	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

Số: 106./2021/BCKT/AASCN.PB

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo*

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

**Phó Giám đốc**  
  
**Trần Thị Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

**Kiểm toán viên**



**Lê Mỹ Trang**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

#### Headquarters

29, Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

#### The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi  
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429  
Email: admin@namvietpb.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.994.932.256.259</b>	<b>1.029.681.868.622</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>12.661.165.047</b>	<b>7.924.477.191</b>
1.	Tiền	111		12.200.537.422	6.304.255.191
2.	Các khoản tương đương tiền	112		460.627.625	1.620.222.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.217.386.769.568</b>	<b>714.399.983.163</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	590.982.948.563	421.445.009.253
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	631.965.489.982	292.603.405.984
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.788.618.486	7.748.016.031
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(7.350.287.463)	(7.396.448.105)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>719.823.303.271</b>	<b>291.735.269.029</b>
1.	Hàng tồn kho	141		719.823.303.271	291.735.269.029
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.061.018.373</b>	<b>15.622.139.239</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	714.732.597	692.839.084
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.346.285.776	14.929.300.155
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>78.135.651.757</b>	<b>80.678.949.590</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.640.834.060</b>	<b>10.926.757.630</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.902.417.227	7.729.108.577
	- Nguyên giá	222		23.787.507.322	23.628.736.437
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.885.090.095)	(15.899.627.860)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	2.159.243.015	2.519.924.843
	- Nguyên giá	225		2.885.454.545	2.885.454.545
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(726.211.530)	(365.529.702)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	579.173.818	677.724.210
	- Nguyên giá	228		1.051.687.851	981.687.851
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(472.514.033)	(303.963.641)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>69.494.817.697</b>	<b>69.752.191.960</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	69.494.817.697	69.752.191.960
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.073.067.908.016</b>	<b>1.110.360.818.212</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.746.888.297.511</b>	<b>805.212.873.527</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.741.392.867.380</b>	<b>798.676.342.512</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	665.238.421.528	217.860.466.792
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	559.976.995.267	74.053.047.373
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.669.538.513	4.149.154.858
4.	Phải trả người lao động	314		5.866.737.040	7.142.208.736
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.028.982.922	1.221.238.591
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.040.332.112	1.079.239.112
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.615.231.563	2.591.594.971
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	499.956.628.435	490.579.392.079
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.495.430.131</b>	<b>6.536.531.015</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	3.799.100.000	4.012.100.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.696.330.131	2.524.431.015
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>326.179.610.505</b>	<b>305.147.944.685</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>326.179.610.505</b>	<b>305.147.944.685</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		252.000.000.000	252.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		252.000.000.000	252.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.338.743.595	52.307.077.775
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		52.307.077.775	33.297.052.770
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.031.665.820	19.010.025.005
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.073.067.908.016</b>	<b>1.110.360.818.212</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Trang

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.410.777.561.757	1.009.257.291.364
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.410.777.561.757	1.009.257.291.364
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.306.246.462.133	940.123.098.375
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.531.099.624	69.134.192.989
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	113.869.154	66.082.274
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	53.513.831.191	23.040.260.877
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.513.803.301	23.040.260.877
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	-	85.956.000
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	25.576.051.287	27.341.899.573
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.555.086.300	18.732.158.813
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	1.159.017.306	6.631.839.531
12.	Chi phí khác	32	VI.06	272.118.055	1.377.109.563
13.	Lợi nhuận khác	40		886.899.251	5.254.729.968
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.441.985.551	23.986.888.781
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	5.410.319.731	4.976.863.776
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		21.031.665.820	19.010.025.005
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	835	780
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	835	780

Người lập biểu



Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		26.441.985.551	23.986.888.781
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.514.694.455	2.437.804.341
-	Các khoản dự phòng	03		(46.160.642)	(4.218.659.084)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(113.869.154)	(66.082.274)
-	Chi phí lãi vay	06		53.513.803.301	23.040.260.877
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		82.310.453.511	45.180.212.641
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(532.357.611.384)	(208.349.957.218)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(428.088.034.242)	(228.836.110.793)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		931.474.497.169	3.482.066.563
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		235.480.750	1.702.742.677
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(53.553.696.917)	(22.318.971.488)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.718.634.772)	(6.880.361.785)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(3.697.545.885)	(416.020.379.403)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(228.770.885)	(1.361.293.213)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		113.869.154	66.082.274
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(114.901.731)	(1.295.210.939)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	120.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		700.391.415.477	570.090.561.386
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(691.334.440.005)	(277.083.397.706)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(507.840.000)	(507.840.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>8.549.135.472</b>	<b>412.499.323.680</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.736.687.856</b>	<b>(4.816.266.662)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>7.924.477.191</b>	<b>12.740.743.853</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>12.661.165.047</b>	<b>7.924.477.191</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Bùi Thị Thúy Hà

Nguyễn Tuấn Trang

Bùi Hoàng Tuấn

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2020

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Bán buôn tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

#### **04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh (đã dừng hoạt động từ ngày 29 tháng 12 năm 2020)	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 192 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 274 người).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **03. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên không có khả năng thu hồi hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **07. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức được chia cho các cổ đông.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	12.200.537.422	6.304.255.191
+ Tiền mặt	116.759.834	54.978.170
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.083.777.588	6.249.277.021
- Các khoản tương đương tiền (*)	460.627.625	1.620.222.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.661.165.047</u></b>	<b><u>7.924.477.191</u></b>

(\*): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với lãi suất 4%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Phải thu của khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>590.982.948.563</b>	<b>421.445.009.253</b>
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	404.002.978.621	102.171.240.904
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	32.456.269.771	88.901.177.041
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	37.595.077.166	175.085.077.166
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	116.928.623.005	55.287.514.142
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>590.982.948.563</b>	<b>421.445.009.253</b>
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	2.706.016.763
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.706.016.763</b>

**03. Trả trước cho người bán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>631.965.489.982</b>	<b>292.603.405.984</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	499.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	85.718.590.087
- Shenzhen Gold Phoenix Second Furniture Co., LTD	59.604.662.998	95.618.664.809
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	72.760.826.984	111.266.151.088
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>631.965.489.982</b>	<b>292.603.405.984</b>
<b>c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	87.413.893.327
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>87.413.893.327</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.788.618.486</b>	<b>(6.528.800)</b>	<b>7.748.016.031</b>	<b>(6.528.800)</b>
- Tạm ứng	420.878.247	-	465.606.046	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	861.025.540	-	1.824.811.378	-
- Phải thu khác	506.714.699	(6.528.800)	5.457.598.607	(6.528.800)
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	-	-	4.718.387.328	-
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	142.349.085	-	184.669.088	-
+ Công ty TNHH MTV Xây lấp 4	356.513.600	-	356.513.600	-
+ Các khoản phải thu khác	7.852.014	(6.528.800)	198.028.591	(6.528.800)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.788.618.486</b>	<b>(6.528.800)</b>	<b>7.748.016.031</b>	<b>(6.528.800)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
05. Nợ xấu						
- Công ty TNHH Xây dựng Cao Bằng - Đái Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà – VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
- Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-	651.420.000	-
- Các khách hàng khác	4.275.983.996	-	4.322.144.638	-	386.062.256	-
<b>Cộng</b>	<b>7.350.287.463</b>	<b>-</b>	<b>7.396.448.105</b>	<b>-</b>	<b>7.350.287.463</b>	<b>-</b>
<b>Chi tiết tăng, giảm dự phòng trong năm:</b>						
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Phát sinh tăng</b>	<b>Phát sinh giảm</b>	<b>Số cuối năm</b>		
	<b>Số trích lập</b>	<b>Số xoá nợ</b>	<b>Số hoàn nhập</b>	<b>Số cuối năm</b>		
- Công ty TNHH Xây dựng Cao Bằng - Đái Loan	-	-	-	-	1.037.788.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà – VINACONEX	-	-	-	-	1.385.095.467	-
- Công ty XD Công trình 507 tại Quảng Ninh-V Dâng, Truyền Hình	602.482.768	-	-	-	-	602.482.768
- Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	-	-	-	651.420.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long	680.000.000	-	-	-	-	680.000.000
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	386.062.256	-	-	-	-	386.062.256
- Công ty TNHH Phục vụ Dũng	239.384.526	-	-	-	-	239.384.526
- Các khách hàng khác	2.414.215.088	-	-	-	46.160.642	-
<b>Cộng</b>	<b>7.396.448.105</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.160.642</b>	<b>7.350.287.463</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	-	Giá gốc	Dự phòng	-	
<b>06. Hàng tồn kho</b>							
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	4.414.800.000	-	-	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	619.749.919.887	-	-	284.320.460.419	-	-	
- Hàng hoá	100.073.383.384	-	-	3.000.008.610	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>719.823.303.271</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>291.735.269.029</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng		
<b>I. Nguyên giá</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.078.509.040</b>	<b>3.574.798.775</b>	<b>15.990.030.471</b>	<b>2.985.398.151</b>	<b>23.628.736.437</b>	<b>158.770.885</b>	
- Mua trong năm	-	-	-	158.770.885	-	-	
- Chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.078.509.040</b>	<b>3.574.798.775</b>	<b>15.990.030.471</b>	<b>3.144.169.036</b>	<b>23.787.507.322</b>	<b>158.770.885</b>	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.078.509.040</b>	<b>2.125.056.358</b>	<b>10.894.979.497</b>	<b>1.801.082.965</b>	<b>15.899.627.860</b>	<b>1.985.462.235</b>	
- Khấu hao trong kỳ	-	342.018.192	965.008.704	678.435.339	-	-	
- Chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.078.509.040</b>	<b>2.467.074.550</b>	<b>11.859.988.201</b>	<b>2.479.518.304</b>	<b>17.885.090.095</b>	<b>1.985.462.235</b>	
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>-</b>	<b>1.449.742.417</b>	<b>5.095.050.974</b>	<b>1.184.315.186</b>	<b>7.729.108.577</b>	<b>5.902.417.227</b>	
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.107.724.225</b>	<b>4.130.042.270</b>	<b>664.650.732</b>	<b>5.902.417.227</b>	<b>5.902.417.227</b>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 11.974.694.647 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 7.202.807.428 đồng và 3.919.904.577 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.885.454.545</i>	<i>2.885.454.545</i>
- Thuê tài chính trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>2.885.454.545</i>	<i>2.885.454.545</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>365.529.702</i>	<i>365.529.702</i>
- Khấu hao trong năm	360.681.828	360.681.828
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>726.211.530</i>	<i>726.211.530</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.519.924.843</i>	<i>2.519.924.843</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>2.159.243.015</i>	<i>2.159.243.015</i>

**09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>981.687.851</i>	<i>981.687.851</i>
- Mua trong năm	70.000.000	70.000.000
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.051.687.851</i>	<i>1.051.687.851</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>303.963.641</i>	<i>303.963.641</i>
- Khấu hao trong năm	168.550.392	168.550.392
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>472.514.033</i>	<i>472.514.033</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>677.724.210</i>	<i>677.724.210</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>579.173.818</i>	<i>579.173.818</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 215.980.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí trả trước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>714.732.597</b>	<b>692.839.084</b>
- Công cụ bảo hiểm	50.917.938	39.951.908
- Công cụ thuê phần mềm	322.546.401	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.370.616	156.835.717
- Chi phí thuê nhà	126.000.000	-
- Chi phí sửa chữa	15.794.769	237.677.573
- Chi phí khác	172.102.873	258.373.886
<b>b. Dài hạn</b>	<b>69.494.817.697</b>	<b>69.752.191.960</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.323.475.896	2.659.150.857
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower <sup>(a)</sup>	41.115.151.630	42.078.787.978
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower <sup>(b)</sup>	20.169.697.004	20.642.424.272
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng	-	65.367.888
- Chi phí sửa chữa khác	1.084.679.674	1.313.159.337
- Thuê văn phòng 96 Định Công <sup>(c)</sup>	2.204.809.233	2.341.707.622
- Chi phí mua đồng phục	3.256.612.500	-
- Chi phí khác	340.391.760	651.594.006
<b>Cộng</b>	<b>70.209.550.294</b>	<b>70.445.031.044</b>

(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m<sup>2</sup> sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m<sup>2</sup> sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m<sup>2</sup> toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06 tháng 6 năm 2015 đến hết ngày 26 tháng 7 năm 2064.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>490.579.392.079</b>	<b>490.579.392.079</b>	<b>701.219.516.361</b>	<b>691.842.280.005</b>	<b>499.956.628.435</b>	<b>499.956.628.435</b>		
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>489.235.666.203</i>	<i>489.235.666.203</i>	<i>700.391.415.477</i>	<i>690.498.554.134</i>	<i>499.128.527.546</i>	<i>499.128.527.546</i>		
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(a)</sup>	442.205.881.188	442.205.881.188	585.874.531.167	579.198.844.811	448.881.567.544	448.881.567.544		
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(b)</sup>	47.029.785.015	47.029.785.015	114.516.884.310	111.299.709.323	50.246.960.002	50.246.960.002		
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.343.725.876</i>	<i>1.343.725.876</i>	<i>828.100.884</i>	<i>1.343.725.871</i>	<i>828.100.889</i>	<i>828.100.889</i>		
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	180.118.032	180.118.032	180.118.032	180.118.032	180.118.032	180.118.032		
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	655.767.844	655.767.844	140.142.852	655.767.839	140.142.857	140.142.857		
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	507.840.000	507.840.000	507.840.000	507.840.000	507.840.000	507.840.000		
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>2.524.431.015</b>	<b>2.524.431.015</b>	<b>700.714.291</b>	<b>1.528.815.175</b>	<b>1.696.330.131</b>	<b>1.696.330.131</b>		
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>1.823.716.724</b>	<b>1.823.716.724</b>	<b>700.714.291</b>	<b>828.100.884</b>	<b>1.696.330.131</b>	<b>1.696.330.131</b>		
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>300.196.724</i>	<i>300.196.724</i>	<i>700.714.291</i>	<i>320.260.884</i>	<i>680.650.131</i>	<i>680.650.131</i>		
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(c)</sup>	300.196.724	300.196.724	-	180.118.032	120.078.692	120.078.692		
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	700.714.291	140.142.852	560.571.439	560.571.439		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phong <sup>(d)</sup>						
- <i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>1.523.520.000</i>	<i>1.523.520.000</i>	-	<i>507.840.000</i>	<i>1.015.680.000</i>	<i>1.015.680.000</i>
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(e)</sup>	1.523.520.000	1.523.520.000	-	507.840.000	1.015.680.000	1.015.680.000
<b>Trên 5 năm</b>	<b>700.714.291</b>	<b>700.714.291</b>	-	<b>700.714.291</b>	-	-
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>700.714.291</i>	<i>700.714.291</i>	-	<i>700.714.291</i>	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(f)</sup>	700.714.291	700.714.291	-	700.714.291	-	-
<b>Cộng</b>	<b>493.103.823.094</b>	<b>493.103.823.094</b>	<b>701.920.230.652</b>	<b>693.371.095.180</b>	<b>501.652.958.566</b>	<b>501.652.958.566</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 112/2020/HDHM-PN/SHB.111100 ngày 24 tháng 11 năm 2020 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, cung cấp lắp đặt hệ thống cơ điện và hoạt động điện lực và hoạt động xây dựng của khách hàng. Hạn mức tín dụng là 700.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán là 500.000.000.000 đồng, hạn mức cấp bảo lãnh là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay theo từng khế ước vay nhưng không quá 09 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay trong năm nay là 11,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2020/CTD/VCBTX-EC ngày 08 tháng 4 năm 2020 để bổ sung nguồn vốn phục vụ thi công xây dựng hoàn thiện và thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, thiết bị nội thất thuộc dự án "Tổ hợp khách sạn, căn hộ dịch vụ Marriott và nhà ở để bán (Đà Nẵng), các gói thầu công xây dựng hoàn thiện và thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, thiết bị nội thất thuộc Dự án Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và căn hộ Luxury Quy Nhơn, các gói thầu thi công xây lắp điện khi đáp ứng điều kiện cấp tín dụng chung cho các công trình khác với các ban quản lý dự án, Công ty thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay là 9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 801700080465 ngày 31 tháng 7 năm 2017 để đầu tư mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biên kiểm soát 30E-859.58 với gốc vay là 915.600.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 8,2%/năm (lãi suất vay cố định trong 3 năm đầu). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo Hợp đồng vay số 23/2016/HDDTD/TTB/MB3/01 ngày 19 tháng 9 năm 2016 để mua xe ô tô Mercedes Benz S400 biên kiểm soát 30E-070.61 với gốc vay là 2.750.000.000 VND. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (e) Khoản nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính (không hủy ngang) số 01.118/2019/TSC-CTTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 để thuê 01 máy đào bánh xích hiệu Kobelco, model SK250-10. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất thuê trong năm là 9%/năm.
- (f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1113/2019/HDDTD/TTB MB3/01 ngày 19 tháng 12 năm 2018 để mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biên kiểm soát 30F-475.11 với gốc vay là 981.000.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 8,9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

**12. Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và ứng dụng Công nghệ Delta-V	665.238.421.528	665.238.421.528	217.860.466.792	217.860.466.792
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	67.282.521.750	67.282.521.750	-	-
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	86.353.635.475	86.353.635.475	40.741.408.932	40.741.408.932
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	51.714.189.507	51.714.189.507	38.322.957.343	38.322.957.343
	459.888.074.796	459.888.074.796	138.796.100.517	138.796.100.517
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>665.238.421.528</b>	<b>665.238.421.528</b>	<b>217.860.466.792</b>	<b>217.860.466.792</b>

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	-	3.801.977.524	3.801.977.524
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.801.977.524</b>	<b>3.801.977.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
<b>13. Người mua trả tiền trước</b>								
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<b>559.976.995.267</b>	<b>74.053.047.373</b>	-	-	3.641.577.418	3.641.577.418	-	-
- Công ty Bất động sản Hoa Anh Đào	-	68.774.573.252	-	-	208.954.654	208.954.654	-	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	543.788.231.126	-	-	-	3.718.634.772	3.718.634.772	-	5.410.319.731
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	16.188.764.141	5.278.474.121	-	430.520.086	1.972.357.668	2.143.658.972	-	259.218.782
<i>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	-	-	-	-	384.982.369	384.982.369	-	-
<b>Cộng</b>	<b>559.976.995.267</b>	<b>74.053.047.373</b>						
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>								
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.641.577.418	-	-	3.641.577.418	3.641.577.418	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	208.954.654	-	-	208.954.654	208.954.654	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.410.319.731	-	3.718.634.772	5.410.319.731	3.718.634.772	-	5.410.319.731
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.972.357.668	-	430.520.086	1.972.357.668	2.143.658.972	-	259.218.782
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	384.982.369	-	-	384.982.369	384.982.369	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	4.000.000	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.622.191.840</b>	<b>4.149.154.858</b>	<b>4.149.154.858</b>	<b>11.622.191.840</b>	<b>10.101.808.185</b>	<b>-</b>	<b>5.669.538.513</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

		Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>15. Chi phí phải trả</b>				
<i>a. Ngắn hạn</i>		<b>1.028.982.922</b>	<b>1.221.238.591</b>	
- Chi phí lãi vay		1.026.782.922	1.066.676.538	
- Các khoản trích trước khác		2.200.000	154.562.053	
<i>a. Dài hạn</i>		-	-	
<b>Cộng</b>		<b>1.028.982.922</b>	<b>1.221.238.591</b>	
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>				
<i>a. Ngắn hạn</i>		<b>2.615.231.563</b>	<b>2.591.594.971</b>	
- Kinh phí công đoàn		1.546.405.181	1.258.815.491	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		30.000.000	-	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		1.038.826.382	1.332.779.480	
+ Ông Nguyễn Mậu Tâm		357.826.589	10.507.447	
+ Ông Lâm Sơn Tùng		16.903.326	387.970.661	
+ Các đối tượng khác		664.096.467	934.301.372	
<i>b. Dài hạn</i>		<b>3.799.100.000</b>	<b>4.012.100.000</b>	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		3.799.100.000	4.012.100.000	
<b>Cộng</b>		<b>6.414.331.563</b>	<b>6.603.694.971</b>	
<b>17. Doanh thu chưa thực hiện</b>				
<i>a. Ngắn hạn</i>		<b>1.040.332.112</b>	<b>1.079.239.112</b>	
- Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng		1.040.332.112	1.079.239.112	
<i>a. Dài hạn</i>		-	-	
<b>Cộng</b>		<b>1.040.332.112</b>	<b>1.079.239.112</b>	
<b>18. Vốn chủ sở hữu</b>				
<i>a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>45.297.052.770</b>	<b>166.137.919.680</b>
Tăng vốn trong năm trước	132.000.000.000	-	-	132.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	19.010.025.005	19.010.025.005
Phân phối lợi nhuận	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>252.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>52.307.077.775</b>	<b>305.147.944.685</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>252.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>52.307.077.775</b>	<b>305.147.944.685</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	21.031.665.820	21.031.665.820
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>252.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>73.338.743.595</b>	<b>326.179.610.505</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	151.202.100.000	60	151.202.100.000	60
Vốn góp của các cổ đông khác	100.797.900.000	40	100.797.900.000	40
<b>Cộng</b>	<b>252.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>252.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	252.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	132.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	252.000.000.000	252.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	12.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.200.000	25.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.200.000	25.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	25.200.000	25.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.200.000	25.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	25.200.000	25.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,71

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
- Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	850.800.000
<b>Cộng</b>	<b>7.470.333.305</b>	<b>7.470.333.305</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Đơn vị tính: VND*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	607.897.708.178	243.665.766.587
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.990.117.610	64.814.441.007
Doanh thu kinh doanh bất động sản	15.676.222.791	16.722.291.092
Doanh thu hợp đồng xây dựng	743.213.513.178	684.054.792.678
<b>Cộng</b>	<b><u>1.410.777.561.757</u></b>	<b><u>1.009.257.291.364</u></b>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	33.765.204.740

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	572.185.993.061	223.403.728.185
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.831.888.047	45.359.889.568
Chi phí kinh doanh bất động sản	8.020.902.646	9.152.492.827
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	703.207.678.379	662.206.987.795
<b>Cộng</b>	<b><u>1.306.246.462.133</u></b>	<b><u>940.123.098.375</u></b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.869.154	66.082.274
<b>Cộng</b>	<b><u>113.869.154</u></b>	<b><u>66.082.274</u></b>

**04. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	53.513.803.301	23.040.260.877
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	27.890	-
<b>Cộng</b>	<b><u>53.513.831.191</u></b>	<b><u>23.040.260.877</u></b>

**05. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền phạt thu được	1.158.892.667	1.739.158.768
- Xóa các khoản nợ phải trả do nhà cung cấp đã bỏ địa chỉ kinh doanh	-	4.887.877.177
- Các khoản khác	124.639	4.803.586
<b>Cộng</b>	<b><u>1.159.017.306</u></b>	<b><u>6.631.839.531</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Phạt vi phạm hợp đồng	-	812.670.971
- Các khoản bị phạt hành chính, phạt chậm nộp, truy thu thuế GTGT	271.970.906	559.787.900
- Các khoản khác	147.149	4.650.692
<b>Cộng</b>	<b>272.118.055</b>	<b>1.377.109.563</b>

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>25.576.051.287</b>	<b>27.341.899.573</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	10.047.115.644	17.354.602.718
- Chi phí vật liệu quản lý	266.603.862	480.402.134
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.452.484.870	1.296.374.980
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.021.206.146	810.479.824
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.300.000
- Chi phí dự phòng	(46.160.642)	(4.218.659.084)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.387.200.057	5.584.506.394
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.443.601.350	6.029.892.607
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>-</b>	<b>85.956.000</b>
- Chi phí nhân viên	-	85.956.000
<b>Cộng</b>	<b>25.576.051.287</b>	<b>27.427.855.573</b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	5.410.319.731	4.976.863.776
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.410.319.731</b>	<b>4.976.863.776</b>

(\*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.441.985.549	23.986.888.781
Các khoản điều chỉnh tăng	609.613.106	897.430.100
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	27.051.598.655	24.884.318.881
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>5.410.319.731</b>	<b>4.976.863.776</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	21.031.665.820	19.010.025.005
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.031.665.820	19.010.025.005
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.200.000	24.385.769
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>835</u></b>	<b><u>780</u></b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020.

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	21.031.665.820	19.010.025.005
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.031.665.820	19.010.025.005
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.200.000	24.385.769
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>835</u></b>	<b><u>780</u></b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020.

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.686.962.725	33.673.580.989
- Chi phí nhân công	54.293.904.043	57.521.231.088
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.514.694.455	2.437.804.341
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	986.698.109.081	862.568.374.282
- Chi phí khác bằng tiền	7.918.470.165	27.023.347.006
- Chi phí dự phòng	(46.160.642)	(4.218.659.084)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.095.065.979.827</u></b>	<b><u>979.005.678.622</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm nay	Năm trước
<b>Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc</b>		
+ Phải trả phải nộp khác	16.903.326	387.970.661
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>16.903.326</b>	<b>387.970.661</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>			
Ông Nguyễn Minh Nhật - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	225.000.000		225.000.000
Ông Lâm Sơn Tùng - Phó Tổng Giám đốc	317.900.000	-	317.900.000
Bà Âu Thiên Hương - Phó Tổng Giám đốc từ ngày 25/11/2020	29.000.000	-	29.000.000
Bà Lê Thị Bích Liên - Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 06/3/2021	1.244.900.000	-	1.244.900.000
Bà Nguyễn Tuấn Trang - Kế toán trưởng	351.900.000	-	351.900.000
<b>Cộng</b>	<b>2.168.700.000</b>	<b>-</b>	<b>2.168.700.000</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Cùng Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đô thị Hanel – Alphanam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Địa Ốc Đông Á	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Khoản đầu tư khác của Công ty Cổ phần Đầu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
	tu Alphanam
Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	-	<b>33.765.204.740</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	3.144.678.222
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại Định Công Hà Nội	-	78.274.095
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	2.085.367.139
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	1.230.496.164
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Đà Nẵng	-	136.363.640
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	-	326.816.800
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	-	2.226.349.202
- Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	-	4.297.731.406
- Công ty Cổ phần Đầu tư công viên văn hóa Mường Hoa	-	113.220.000
- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	2.367.914.660
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Đông Á	-	17.757.993.412
<b>Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ</b>	-	<b>71.235.174.023</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	66.436.607.415
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Đà Nẵng	-	863.242.281
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	-	1.509.052.727
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	659.460.000
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	124.360.000
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	-	1.642.451.600
<b>Trả cổ tức bằng cổ phiếu</b>	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	7.200.100.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	-	<b>2.706.016.763</b>
- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	2.604.706.126
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	-	101.310.637
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	-	<b>87.413.893.327</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	85.718.590.087
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	-	1.695.303.240
<b>Cộng nợ phải thu</b>	-	<b>90.119.910.090</b>

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	-	<b>3.801.977.524</b>
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	1.611.103.160
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	684.696.286

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
tại Tp. Hồ Chí Minh		
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại miền Trung	-	1.495.389.663
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Đà Nẵng	-	10.788.415
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>3.801.977.524</b>

**03. Điều chỉnh hồi tố**

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản làm việc với cơ quan thuế Thành phố Hà Nội ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc giảm số thuế phải nộp năm 2018 do xác định lại chi phí lãi vay được trừ theo điều 1 Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi khoản 3 điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>806.044.745.972</b>	<b>805.212.873.527</b>	<b>(831.872.445)</b>
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>	<i>799.508.214.957</i>	<i>798.676.342.512</i>	<i>(831.872.445)</i>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.981.027.303	4.149.154.858	(831.872.445)
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>304.316.072.240</b>	<b>305.147.944.685</b>	<b>831.872.445</b>
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>304.316.072.240</i>	<i>305.147.944.685</i>	<i>831.872.445</i>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	51.475.205.330	52.307.077.775	831.872.445
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	32.465.180.325	33.297.052.770	831.872.445
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	19.010.025.005	19.010.025.005	-

**04. Thuê hoạt động***Các hợp đồng đi thuê*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	7.889.679.600	5.990.941.440
Trên 1 năm đến 5 năm	21.163.718.400	18.914.765.760
Trên 5 năm	4.325.679.600	6.067.353.600
<b>Cộng</b>	<b>33.379.077.600</b>	<b>30.973.060.800</b>

- Công ty thuê toàn bộ toà nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2023 theo Phụ lục số 03 ngày 15 tháng 01 năm 2017. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.
- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Công ty thuê một phần sàn tầng 1 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 9 năm kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2018.

**Các hợp đồng cho thuê**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	13.331.743.708	16.739.364.625
Trên 1 năm đến 5 năm	25.660.183.782	39.208.455.134
Trên 5 năm	6.769.864.560	31.791.877.776
<b>Cộng</b>	<b><u>45.761.792.050</u></b>	<b><u>87.739.697.535</u></b>

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2019 và được gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 07 năm 2023 theo Phụ lục gia hạn số 09/2012/2017/PLHĐKT-KD ký ngày 04 tháng 8 năm 2017.
- Công ty đã cho thuê một phần tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.
- Công ty đã cho thuê một phần tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức cho thuê hoạt động trong thời hạn 09 năm kể từ ngày 20/12/2014 đến ngày 19/12/2023.

**05. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	719.436.118.161	591.473.168.307	99.868.275.289	1.410.777.561.757
- Chi phí trực tiếp	664.506.423.919	545.434.113.129	96.305.925.085	1.306.246.462.133
- Chi phí phân bổ	41.774.383.428	34.610.955.325	2.590.674.571	78.976.013.324
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.155.310.814	11.428.099.853	971.675.633	25.555.086.300
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.589.812.351	2.129.173.776	359.503.903	5.078.490.030
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.886.785.289	3.195.459.821	539.542.752	7.621.787.863
<b>Số dư cuối năm nay</b>				0
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	623.651.312.006	512.725.185.905	86.571.940.634	1.222.948.438.545
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	427.067.858.173	351.107.169.600	59.283.276.653	837.458.304.426
- Tài sản không phân bổ				12.661.165.045
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.050.719.170.179</b>	<b>863.832.355.505</b>	<b>145.855.217.287</b>	<b>2.073.067.908.016</b>
- Nợ phải trả bộ phận	635.351.975.173	522.344.703.386	88.196.164.135	1.245.892.842.694
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	254.956.462.139	209.608.473.407	35.391.692.890	499.956.628.435
- Nợ phải trả không phân bổ				1.038.826.382
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>890.308.437.312</b>	<b>731.953.176.793</b>	<b>123.587.857.025</b>	<b>1.746.888.297.511</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Năm trước	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	309.982.119.864	643.403.093.045	55.872.078.455	1.009.257.291.364	
- Chi phí trực tiếp	281.166.819.932	606.450.264.775	52.506.013.668	940.123.098.375	
- Chi phí phân bổ	15.480.422.617	32.131.375.183	2.790.236.376	50.402.034.176	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.334.877.315	4.821.453.087	575.828.411	18.732.158.813	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	4.239.116.727	1.175.146.716	-	5.414.263.443	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.979.952.341	671.173.836	26.459.785	8.677.585.962	
<b>Số dư cuối năm trước</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	219.312.006.299	455.206.975.346	39.529.433.593	714.048.415.237	
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	119.289.019.355	247.597.906.786	21.500.999.643	388.387.925.784	
- Tài sản không phân bổ				7.924.477.191	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>338.601.025.654</b>	<b>702.804.882.132</b>	<b>61.030.433.236</b>	<b>1.110.360.818.212</b>	
- Nợ phải trả bộ phận	243.090.251.818	504.561.424.309	43.815.293.692	791.466.969.820	
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.580.280.887	5.355.666.012	465.077.328	8.401.024.227	
- Nợ phải trả không phân bổ				5.344.879.480	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>245.670.532.705</b>	<b>509.917.090.321</b>	<b>44.280.371.021</b>	<b>805.212.873.527</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND
<b>Năm nay</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	743.213.513.178	607.897.708.178	59.666.340.401	1.410.777.561.757
- Tài sản bộ phận	1.092.115.528.868	893.275.640.570	87.676.738.578	2.073.067.908.016
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	2.675.405.761	2.188.298.520	214.785.749	5.078.490.030
<b>Năm trước</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	684.054.792.678	243.665.766.587	81.536.732.099	1.009.257.291.364
- Tài sản bộ phận	752.580.779.747	268.075.269.084	89.704.769.381	1.110.360.818.212
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	3.669.681.546	1.307.169.801	437.412.097	5.414.263.443

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.661.165.047	-	7.924.477.191	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	591.489.663.262	(7.350.287.463)	426.902.607.860	(7.396.448.105)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>604.150.828.309</b>	<b>(7.350.287.463)</b>	<b>434.827.085.051</b>	<b>(7.396.448.105)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	665.238.421.528	217.860.466.792	(*)	(*)
Vay và nợ	501.652.958.566	493.103.823.094	(*)	(*)
Chi phí phải trả	1.028.982.922	1.221.238.591	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	4.867.926.382	5.344.879.480	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>1.172.788.289.398</b>	<b>717.530.407.957</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 07. Tài sản đảm bảo

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
<b>Số cuối năm</b>		
Xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30E-859.58, xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61, xe ô tô Toyota Fortuner Gun156L-SDTMHY BKS 30F-475.11	3.919.904.577	Công ty thế chấp toàn bộ tài sản và chuyển giao giấy tờ sở hữu tài sản cho TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong quản lý nhằm đảm bảo thế chấp cho khoản vay dài hạn. Ngân hàng được quyền kiểm tra và giám sát việc sử dụng tài sản thế chấp, nếu có rủi ro xảy ra thì được thụ hưởng số tiền bảo hiểm tài sản thế chấp.
<b>Cộng</b>	<b><u>3.919.904.577</u></b>	
<b>Số đầu năm</b>		
Xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30E-859.58, xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61, xe ô tô Toyota Fortuner Gun156L-SDTMHY BKS 30F-475.11	4.820.255.529	Công ty thế chấp toàn bộ tài sản và chuyển giao giấy tờ sở hữu tài sản cho TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong quản lý nhằm đảm bảo thế chấp cho khoản vay dài hạn. Ngân hàng được quyền kiểm tra và giám sát việc sử dụng tài sản thế chấp, nếu có rủi ro xảy ra thì được thụ hưởng số tiền bảo hiểm tài sản thế chấp.
<b>Cộng</b>	<b><u>4.820.255.529</u></b>	

#### 08. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 09. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	665.238.421.528	-	-	665.238.421.528
Vay và nợ	499.956.628.435	1.135.758.692	560.571.439	501.652.958.566
Chi phí phải trả	1.028.982.922	-	-	1.028.982.922
Các khoản phải trả khác	1.068.826.382	3.799.100.000	-	4.867.926.382
<b>Cộng</b>	<b>1.167.292.859.267</b>	<b>4.934.858.692</b>	<b>560.571.439</b>	<b>1.172.788.289.398</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	217.860.466.792	-	-	217.860.466.792
Vay và nợ	490.579.392.079	1.823.716.724	700.714.291	493.103.823.094
Chi phí phải trả	1.221.238.591	-	-	1.221.238.591
Các khoản phải trả khác	1.332.779.480	4.012.100.000	-	5.344.879.480
<b>Cộng</b>	<b>710.993.876.942</b>	<b>5.835.816.724</b>	<b>700.714.291</b>	<b>717.530.407.957</b>

**10. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**11. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc (AASCN). Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại do điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản làm việc với cơ quan thuế thành phố Hà Nội ngày 10 tháng 11 năm 2020 (chi tiết xem thuyết minh số VIII.03).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**12. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



**Bùi Thị Thúy Hà**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Trang**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



**Bùi Hoàng Tuấn**

